



NỘI DUNG CHI TIẾT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Kèm theo Tờ trình số 154.7 /2022/Ttr-CMT-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2022 của HĐQT Công ty)

II. NỘI DUNG CHỈNH SỬA, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

1	Điều 1	Quy định này được xây dựng theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và hướng dẫn của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông	<ol style="list-style-type: none">1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Sửa đổi theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
2	Điều 2	<ol style="list-style-type: none">1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 35 Điều 6 Luật Chứng khoán.2. Thành viên độc lập HĐQT là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp	<ol style="list-style-type: none">1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:<ol style="list-style-type: none">a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:	Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp trình tự các mục theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

		<p>3. Công ty: là Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông</p> <p>4. HĐQT: là HĐQT</p> <p>5. Ứng cử: là tự đề cử</p> <p>6. BKS: Là Ban Kiểm Soát</p> <p>7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam</p> <p>8. Đại biểu: là cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)</p> <p>9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty. <p>b. “Công ty” là Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông</p> <p>c. “Điều lệ” là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>d. “Cổ đông” là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty.</p> <p>e. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.</p> <p>f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</p> <p>g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán</p>	
--	--	---	---	--

			<p>trường và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán hiện hành.</p> <p>i. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>j. Cán bộ quản lý là các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.</p> <p>2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	
3			<p>Bổ sung:</p> <p>“Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.”</p> <p>1, Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại</p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020, Quy chế mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2, Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;

- | | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none">i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soátk. Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; | |
|--|--|--|--|--|

3, Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kế kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

			<ul style="list-style-type: none">f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	
--	--	--	---	--

			<p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán ra mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>4, Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại</p>	
--	--	--	--	--

			<p>được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>5, Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
4	Điều 3.2	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. <u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u></p>	<p>Sửa đổi và bổ sung theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều lệ Công ty</p>
5			<p>Bổ sung: “Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp”</p> <ul style="list-style-type: none"> • Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. • Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp 	<p>Bổ sung theo Mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty. 	
6	Điều 4	<p>Điều 4: Nhân sự Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tọa và Đoàn chủ tịch 2. Thư ký đại hội 3. Ban Kiểm phiếu 4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu 		<p>Sửa đổi theo mẫu Quy chế kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

7	Điều 5	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết.	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp 2002 và Thông tư 116/2020/TT-BTC
8	Điều 6	1. HĐQT tổ chức họp và ban hành nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được lập sớm hơn <u>(05)</u> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	1. HĐQT tổ chức họp và ban hành nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được lập sớm hơn mười <u>(10)</u> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC
9	Điều 7	2, Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá năm (05)</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;	2, Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá mười (10)</u> ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>3, Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p> <p>4; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông....</p> <p>5, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản Điều này</p>	<p>đồng có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>3, Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21 ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	
10		<p>Bổ sung: “Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông”</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<ol style="list-style-type: none">2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:<ol style="list-style-type: none">a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp,	
--	--	--	--	--

			trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận	
11			<p>Bổ sung: “Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông”</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của</p>	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty, Thông tư 116/2020/TT-BTC

			<p>cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự,</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
12	Điều 8	2. Quy định về việc ủy quyền tham gia đại hội	<p><u>Bổ sung</u></p> <p>4, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	

			<p>Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.</p> <p>Căn cứ kết quả kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Ban kiểm tra tư cách cổ đông ghi nhận sự có mặt của cổ đông và phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu của Đại hội..</p>	
13	Điều 9	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông: <ol style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của HĐQT e. Báo cáo của Ban Kiểm Soát d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty e. 2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: 		

		<p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b.</p>	
14			<p>Bổ sung: Điều 12. “Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông”</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: <ol style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường

			<p>hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	
15	Điểm b khoản 2 điều 12	Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này	Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Quy chế này.	
16			<p>Bổ sung: Điều 17. “Điều kiện để nghị quyết được thông qua”</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; 	

- | | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức lại, giải thể công ty; <ol style="list-style-type: none">3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này. | |
|--|--|--|--|--|

- | | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | <ol style="list-style-type: none">5. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 50 hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của pháp luật.6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu hợp lệ biểu quyết chấp thuận.7. Các Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm | |
|--|--|--|--|--|

			<p>thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản..</p>	
17	Điểm j Khoản 1 Điều 16		<p>Bổ sung: Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	
18	Điều 17	<p>Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua từ khi 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p>		

		2.		
19	Điều 18,19,20	<p>Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty</p>		
20			<p>Bổ sung: Điều 21. “Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông”</p> <p>Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>	
21	Điều 21	<p>Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty; Định hướng phát triển công ty Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, 	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty bất kể khi nào kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp 2020</p>	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty 2022

		<ul style="list-style-type: none"> e. Dự án đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể công ty; h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty 		
22	Điểm b khoản 5 Điều 22	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>nếu được cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><u>Sắp xếp lại trình tự các mục</u></p>	Sửa đổi theo Điều lệ Công ty và Thông tư 116/2020/TT-BTC
23			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 24. Tổ chức Đại hội trực tuyến</p> <p>Điều 25. Cách thức đăng ký dự họp.</p> <p>Điều 26. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.</p> <p>Điều 27. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ bằng hình thức trực tuyến</p>	

			<p>Điều 28. Trình tự, thể thức tiến hành ĐHĐCD trực tuyến</p> <p>Điều 29. Cuộc họp Đại hội bằng hình thức trực tuyến</p> <p>Điều 30. Cách thức biểu quyết tại ĐHĐCD trực tuyến</p> <p>Điều 31. Phiếu biểu quyết không hợp lệ</p> <p>Điều 32. Xác định kết quả biểu quyết</p> <p>Điều 33. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCD</p> <p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p>	
24	Khoản 1,2,3,4 điều 23	<p>1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty trong không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công ty.</u></p>	

	<p>2. Cơ cấu thành viên HĐQT:</p> <p>a. Tổng số thành viên HĐQT thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba ($\frac{1}{3}$) tổng số thành viên HĐQT</p> <p>b. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; - Có đơn từ chức; 	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba ($\frac{1}{3}$) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p> <p>4. <u>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. cụ thể:</p> <p>a. <u>Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp</u> 	
--	---	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> b. <u>Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u> - <u>Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> 	
25	Khoản 2 Điều 24	<p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c, Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>i, <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và sắp xếp lại trình tự các mục theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức,</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p>	<p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; <u>yêu cầu phá sản công ty;</u></p> <p>p. <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế Ban kiểm soát, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.</u></p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức <u>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p>	
--	--	--	--

		<p>m, Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p>	<p><u>Bổ sung</u></p> <p>c, Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>e, Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f, Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g, Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h, Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	
26	Khoản 3 Điều 24	<p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của công ty;</p>		

		e.		
27	Khoản 4 điều 24	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.	
28	Khoản 5 điều 24	Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt Công ty.		
29	Điều 25	HDQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HDQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động công ty 2. Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty; 		

		<p>3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;</p> <p>4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>5. Báo cáo HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;</p> <p>6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.</p>		
30	Điểm c khoản 1 điều 26	Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.	<p>Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p> <p>Bổ sung:</p> <p>d, Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ</p>	
31	Khoản 2,3 điều 26	2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.		

		3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc trong Công ty.		
32			<p>Bổ sung điều 27 => Điều 37. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác); 	

			<p>e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan đến Công ty;</p> <p>f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
33	Điều 27	<p>Điều 27: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sau (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử từ một (01) ứng cử viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30 đến dưới 40% được đề cử ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên, từ</p>	<p>2, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; 	

		<p>60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 32 Quy chế này và được công bố rõ ràng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.. <p>3, Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bổ sung:</p> <p>4, Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>	
--	--	---	---	--

34	Điều 28	Điều 28: Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Thành viên HĐQT		
35	Điều 30	<p>1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức; c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp - Có đơn từ chức và được chấp thuận; b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; <p>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản a và khoản b Điều này</p>	
36			<p>Bổ sung</p> <p>Điều 42. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	

			Điều 43. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
37	Điều 34	<p>1, Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu có liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp)</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>05 ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo mời họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian và địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;</p> <p>b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty</p>	<p>1, Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu có liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp)</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>03 ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên</p> <p>b. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định</u> và đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty</p>	

			<p>Bổ sung:</p> <p>f, Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định; - Tham dự và biểu quyết thông qua tại hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác 	
38	Khoản 5 Điều 34	5. Ghi biên bản họp HĐQT;	<p>Điều 46. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. 2. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản Tiếng Việt được áp dụng. 	

			<p>Biên bản họp cần có đầy đủ chữ ký của chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và Biên bản có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp (trừ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp) thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
39	Khoản 6 Điều 34	6. Thông báo nghị quyết HĐQT	Điều 47. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	
40			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 48. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 49. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Điều 50. Thư ký Công ty</p>	
41			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 51. Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát là cơ quan giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để các hoạt động</p>	

			của Công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và Công ty.	
42	Khoản 2 Điều 35	<p>Các kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông. 	<p>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. 	
43	Điều 36, 37	<p>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên. 	<p>Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện 	

	<p>2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính công ty; 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; 3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông; 4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành 	<p>kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác. 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông. 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có 	
--	---	---	--

		<p>doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.</p>	<p>quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
44	Điều 38	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên</p> <p>1, Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:.....</p> <p>2, Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty</p>		
45	Điều 39	<p>Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.....</p>	<p>Điều 54. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ.</p>	

			<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	
46	Điều 40	Công bố thông tin ứng viên tham gia Ban kiểm soát		
47	Điều 42	<p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp:</p> <p>a, Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c, Có đơn từ chức và được chấp nhận</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp:</p> <p>a, Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p>	<p>a. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; <p>b. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 	

		<p>b, Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c, Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 	
48			<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 60. “Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát”</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	

			3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
49	Chương 5 Điều 46	Tiểu ban trực thuộc HĐQT		
50	Chương 6	Người điều hành doanh nghiệp Điều 47: Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp Điều 48: Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp Điều 49: Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp Điều 50: Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp Điều 51: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY Điều 61. Người điều hành Doanh nghiệp và cán bộ quản lý. Điều 62. Tổng Giám đốc.	
51	Chương 7	Chương 7: QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		

52	Chương 8	<p>Chương 8: Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</p>	<p>Chương 6: Các hoạt động khác</p> <p>Điều 63. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thống nhất và ban hành quy chế phối hợp hoạt động giữa các bên</p> <p>Điều 64. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>Điều 65. Khen thưởng</p> <p>Điều 66. Kỷ luật</p> <p>Điều 67. Hiệu lực thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông bao gồm 6 chương, 67 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2022. 2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. 3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT 	
53		<p>Chương 9: Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Chương 10: Sửa đổi quy định về quản trị Công ty</p> <p>Chương 11: Ngày có hiệu lực</p>	<p>Điều 67. Hiệu lực thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông bao 	

	<p>Điều 69: Ngày có hiệu lực</p> <ol style="list-style-type: none">1. Quy chế này gồm 11 chương 69 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018.2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT	<p>gồm 6 chương, 67 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2022.</p> <ol style="list-style-type: none">2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.	
--	---	--	--